

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái Hữu Biên Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị phần biên khảo tổng quát về **Lịch Sử Biên Hoà (1558-1975)** từ phần **1** đến **33** của đồng hương **Nguyễn Văn Đáng**, được khởi đăng trên diễn đàn. Hội chân thành cảm tạ tác giả. Kính mời quý vị.

Trân trọng.



LỊCH SỬ BIÊN HOÀ
(1558-1975)
PHẦN 6:

Vua Nguyễn cấm giáo sĩ truyền đạo

Sau khi Thế Tổ Gia Long qua đời, năm Kỷ-Mão (1819) đến tháng Giêng năm Canh-Thìn (1820), Hoàng Thái Tử Đảm lên ngôi, đặt niên hiệu là Minh Mạng. Ông là một vị Vua có tư chất rất minh mẫn, có tính hiếu học và siêng năng trong công việc; phàm, có việc gì ngài cũng xét trước, có phê chuẩn rồi thi hành sau. Ngài tinh thâm nho học, sùng đạo Khổng-Mạnh, cho nên không ưa thích đạo mới. Vua cho là tà đạo, lấy Trời, Thánh ra làm mê hoặc lòng dân, bởi vậy ngài mới nghiêm cấm và trừng trị những người dân theo đạo Thiên-Chúa Giáo.

Vào năm Minh Mạng thứ 12 (Tân Mão 1831), sau khi tổng trấn thành Gia Định là ông Lê Văn Duyệt qua đời, vua Thánh Tổ bỏ đơn vị hành chánh “Trấn” của thời vua Gia Long, rồi đổi lại thành đơn vị “Tỉnh”. Chức quan tổng trấn cũng huỷ bỏ từ đây, vì cho rằng các quan võ đại thần kiêm lãnh quá nhiều quyền hạn, theo đó chức vụ tổng trấn Gia Định Thành huỷ bỏ, và Trấn Biên Hoà cũng đổi lại thành Tỉnh Biên Hoà, do một Bộ Chánh Sứ coi quản. Hai tỉnh này đều được đặt dưới quyền quản trị của một quan Tổng Đốc kiêm nhiệm, có hợp danh là Tổng Đốc An Biên (Phiên An và Biên Hoà). Người đứng đầu tỉnh là chức vụ “Bộ Chánh Sứ” (cho đến sang thời Pháp-Thuộc có tục danh thường gọi tắt là “Toà- Bộ”).

Với một ông vua nghiêm khắc như Thánh Tổ, thì điều gì cũng phải theo Nho Giáo, lấy “Tam Cương Ngũ Thường” để làm căn bản cho sự ăn ở trong dân gian, vua tôi, vợ chồng, cha mẹ, con cái làm nền tảng luân lý xã hội nước Việt-Nam, ai làm sai thì không phải là người trong xã hội. Tôi thì phải nghe lệnh Vua, con phải nghe lời cha mẹ, ai trái với đạo giáo ấy phải bị tội nặng. Đạo

Không-Mạnh, một đạo mà vua sùng bái dân phải nghe theo, nghiêm khắc cấm đi theo tả đạo, cấm không nghe theo bị phải tội chết.

Thánh Tổ lên ngôi đã có ý không cho người nước ngoài vào giảng đạo ở trong nước, truyền cho các quan phải khám xét ghe tàu của ngoại quốc ra vào các cửa biển. Năm Ất Dậu (1825) trên chiếc tàu Thétis của Pháp đi vào cửa biển Đà-Nẵng, có một giáo sĩ tên là Rogerot, ở lại trong xứ đi giảng đạo khắp nơi. Trong dịp này, vua Thánh Tổ mới cho ra dụ chỉ mới, truyền rằng: “Đạo Phương Tây là tả đạo làm mê hoặc lòng dân và huỷ hoại phong tục cho nên phải nghiêm cấm để khiến cho người dân phải theo chánh đạo”.

Sự cấm đạo, ngày càng thêm nghiêm ngặt, mà dầu có cấm thế nào thì trong nước cũng có người đi giảng đạo, nhà Vua cho điều đó là trái phép, nên có “dụ chỉ” lần nữa truyền cho trong dân chúng phải bỏ đạo, người nào bắt được giáo sĩ đem nộp quan sẽ được tiền thưởng. Cũng trong năm đó (1825) ở Huế có một giáo sĩ bị xử giảo, tiếp theo sau đó có cuộc nổi loạn trong dân vì sự cấm và bắt đạo. Sự xử tội giết người theo đạo từ đó trở đi thì trong Nam lẫn ngoài Bắc, nơi nào cũng có giặc nổi lên.

Năm Giáp-Ngọ (1834) cho đến năm Mậu-Tuất (1838) có nhiều giáo sĩ ngoại quốc và người theo đạo bị giết, như là từ ngày bắt cố Du (P. Marchand) ở Gia Định (Phiên An), sau đó có những vụ xử tội, giết người đi theo đạo dữ dội hơn. Vua Thánh Tổ nhận thấy cấm cũng không được, liền sai sứ thần sang Pháp để điều đình ngưng gởi giáo sĩ sang Việt Nam giảng đạo. Nhưng không được vua Louis Philippe tiếp đón sứ thần. Đoàn sứ thần chưa kịp

trở về đến Việt-Nam, thì vua Thánh Tổ qua đời năm 50 tuổi, năm Canh-Tý (1840), trị vì 21 năm.

Sau khi vua Thánh Tổ qua đời, truyền ngôi lại cho Hoàng Thái Tử Miên Tông. Vào tháng Giêng năm Tân Sửu (1841), lên ngôi tại điện Thái Hoà, đặt niên hiệu là Thiệu Trị, miếu hiệu là Hiến Tổ. Tính của Vua thì hiền hoà, mà không có dũng khí như vua cha.

Ngài không hay bài ra nhiều việc. Trong đời ngài làm vua, học hiệu, chế độ, thuế má...điều gì cũng theo y như của triều vua Thánh Tổ. Quần thần lúc bấy giờ có Trương Đăng Quế, Lê Văn Đức, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Tiếp đều ra sức giúp vua.

Khi đó thì ở đất Nam Kỳ có giặc Chân-Lạp nổi loạn, vua sai Tướng Trương Minh Giảng đem quân tiêu trừ loạn Chân-Lạp vừa xong, đến quân Tiêm-La (Thái-Lan) đem binh thuyền tràn sang đánh phá. Nhà vua sai tướng Nguyễn Tri Phương tiến đánh giải toả quân Tiêm-La ở mặt Tiền Giang, ông Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Công Nhân đánh mặt Vĩnh Tế, Nguyễn Văn Nhân và Nguyễn Văn Điển đánh mặt Hậu Giang, ba mặt cùng tiến quân, giặc Tiêm-La thua to bỏ chạy ra khỏi bờ cõi Việt-Nam.

Dưới Triều vua Hiến Tổ, trong nước việc cấm đạo nói lỏng, thông thả hơn thời vị tiền Vương, nhưng triều đình vẫn ghét đạo, nhiều giáo sĩ ngoại quốc vẫn còn bị giam ở Huế. Biết được tin này, một trung tá tên là Favin Levêque, chỉ huy tàu Heroin, đem tàu vào cửa Đà-Nẵng để xin tha cho năm người giáo sĩ. Đến năm Ất-Tý (1845), là năm Thiệu Trị thứ Năm, có một giám mục tên là Lefèbvre phải bị án xử tử, bấy giờ có người quản tàu ở Đà-Nẵng xin mãi không được, mới báo tin cho hải quân thiếu tướng nước

Pháp là Cécile, thiếu tướng liền sai quân đem tàu chiến Alemène vào Đà-Nẵng lãnh giám mục ra.

Năm 1847, quan nước Pháp là Đại Tá De Lapierre và Trung Tá Hải Quân Rigault de Genouille đem hai chiếc tàu chiến vào cửa biển Đà-Nẵng trình vua, xin bỏ những “chỉ dụ cấm đạo”, để cho người dân trong nước tự do đi theo đạo mới. Trong khi đang hội nghị thì có một quan nước Pháp thấy tàu Việt-Nam tiến đến gần, liền hạ lệnh nổ súng đại bác vào tàu Việt-Nam.

Vua Hiến Tổ biết sự việc xảy ra, Ngài hết sức tức giận, liền cho ra chỉ dụ lần nữa, “cấm người ngoại quốc vào nước Việt-Nam giảng đạo, trị tội nặng những người dân nào đi theo đạo Thiên-Chúa Giáo).

Sau vài tháng xảy ra vụ tàu Pháp bắn đại bác vào tàu Việt-Nam tại cửa biển Đà-Nẵng, vua Hiến Tổ phải bệnh qua đời lúc tuổi 37; bấy giờ là tháng 9 năm Đinh Vị Thiệu Trị thứ Bảy (1847), Ngài làm vua được bảy năm. Miếu hiệu là Hiến Tổ Chương Hoàng Đế.

Sau khi vua Hiến Tổ qua đời, truyền ngôi lại cho Hoàng Tử Hồng Nhậm, lúc bấy giờ mới có 19 tuổi, nhưng trong việc học hành rất thông thái. Đến tháng 10, năm Đinh Vị thứ Bảy (1847) lên ngôi Hoàng Đế ở điện Thái Hoà, đặt niên hiệu là Tự Đức Nguyên Niên.

Vua Tự Đức lại tiếp tục cấm tuyên truyền đạo ngay khi mới lên ngôi, vào năm Mậu-Thân (1848), ban ra dụ cấm đạo mới: “Những người ngoại quốc vào Việt Nam giảng đạo thì phải tội chết. Những người dân trong nước không chịu bỏ đạo thì phải bị khắc chữ vào mặt rồi đưa đi ở những nơi rừng sâu nước độc, còn những ngu dân thì các quan phải khuyên giải, nghiêm cấm họ đừng cho

đi theo tả đạo, mà bỏ quên sự thờ cúng ông bà tổ tiên, chớ nên giết hại họ". Lần chỉ dụ cấm đạo này cai nghiệt hơn mấy lần của các vị vua trước. Đến năm Tân-Hợi (1851) có nhiều giáo sĩ ngoại quốc bị giết.

Vua quan cứ lấy lẽ lối cũ là không mở cửa giao thương với các nước ngoài, lại thêm vì sự sùng tín mà giết hại người dân trong nước, hành tội các giáo sĩ nước ngoài, bởi những sự kiện đó mà gây ra thù oán, cho nên nước Pháp phải dùng binh lực để báo thù những giáo sĩ đã bị giết.

Tháng 8 năm Bính-Thìn (1856), niên vị Tự Đức thứ 9, chánh phủ nước Pháp sai ông Lehuer de Ville-Sur-Arc, đem chiến thuyền Catina vào cửa biển Đà-Nẵng, cho người đem thư lên trách triều đình Huế về việc giết giáo sĩ giảng đạo. Quan triều đình không trả lời, quân Pháp bắn phá các đồn lũy ở Đà-Nẵng, cũng vì tại vua quan giết hại người theo đạo Thiên Chúa Giáo mới ra việc.

Từ đó quân Pháp, với tàu thuyền trang bị vũ khí, quân lính xuôi ngược, dòm ngó vào miền Nam. Thấy ruộng đất miền Nam trù phú, màu mỡ, nhiều lúa gạo, lương thực phong phú dồi dào, người dân có đời sống sung túc giàu có hơn miền Bắc, do đó họ có tham vọng chiếm lấy.

Tháng Giêng năm Kỷ-Mùi (1859) (tức là Tự Đức niên vị thứ 12). Trung Tướng Rigault de Genouille đem chiến thuyền và binh lính vào Nam Kỳ. Thuyền quân Pháp đến cửa Cần-Giờ (Biên Hoà) bắn phá các pháo đài ở hai bên sông Đồng-Nai, rồi tiến đánh vào thành Gia Định, lúc bấy giờ binh giữ thành đông hơn, binh khí đầy đủ, nhưng binh lính lơ là trong tập luyện, việc võ bị trở nên không kỷ luật, cho nên binh Pháp đến cửa Cần-Giờ tiến đánh lên

thành, quan Hộ Đốc là Vũ Duy Ninh vội vàng đi lấy cứu viện binh từ các tỉnh về giúp, nhưng chỉ trong 2 ngày thì thành Gia Định sụp đổ. Vũ Duy Ninh tự sát.

(Tiếp theo phần 7)